TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **714**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 12 - 2021.
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Sơn.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Nga.**

2. Ông **Phạm Văn Tuyền.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Châu Nguyễn Thanh Thảo** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà **Phan Mỹ Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1256/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 241/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 211/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2021.

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm: 1986;

Nơi cư trú: 72-74 đường số A, khu Dân cư T, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Phan Thị L**, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: Nhà số A Lô số 01 khối D, Khu dân cư H, Ấp X, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông B và bà L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/11/2020, bản tự khai ngày 16/12/2020 và các biên bản hòa giải ngày 28/01/2021, ngày 29/3/2021, ngày 21/5/2021 ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị L chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức đám cưới, do hai bên tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam vào ngày 01/02/2013. Hai bên chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

Ông B và bà L không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau, có đánh nhau và ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn tiếp tục chung sống nên Ông B yêu cầu được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông B khai ông và bà L có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Phan N (nữ), sinh ngày 26/7/2013, hiện con chung đang sống với bà L. Khi ly hôn, Ông B yêu cầu giao con chung cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Ông B tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Về tài sản chung: Ông B khai trước đây giữa Ông B và bà L có tài sản chung, tuy nhiên Ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L có yêu cầu phải chuyển nhượng hết tài sản chung cho bà L thì bà L mới đồng ý ly hôn. Ngày 13/01/2021 Ông B đã ủy quyền toàn bộ quyền sở hữu tài sản của ông trong khối tài sản chung của vợ chồng cho bà L nên ông xác định hiện nay tài sản chung giữa ông và bà L là không có.

Về nợ chung: Ông B xác định không có.

Ngoài ra ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác. Ngày 15/6/2021 Ông B có nộp cho Tòa án đơn xin xét xử vắng mặt với lý do tình hình do tình hình dịch Covid - 19 đang diễn biến phức tạp, bận công việc, không có thời gian đến Tòa và được Tòa án chấp nhận.

Tại bản tự khai ngày 29/12/2020 và biên bản hòa giải vào ngày 28/01/2021 bà Phan Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh B bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam như Ông B trình bày. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, khoảng cuối năm 2019 thì ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do Ông B ngoại tình, Ông B hay sỉ nhục, lăng mạ bà L tại nơi làm việc của bà, giữa hai vợ chồng có đánh đập nhau, Ông B và bà L thường xuyên cãi nhau nhưng bà L khai vẫn còn tình cảm với Ông B nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà L xác nhận bà và Ông B có 01 con chung tên là Nguyễn Phan N (nữ), sinh ngày 26/7/2013 hiện nay con chung đang sống với bà L. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Ông B cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai bà và Ông B có nợ ba mẹ chồng là ông Nguyễn Tùng và bà Hồ Thị Thanh Phượng số tiền 97.000.000 đồng vay nợ vào năm 2017 có giấy tờ, tuy nhiên sau phiên hòa giải ngày 28/01/2021 bà L không cung cấp chứng cứ cho Tòa án cũng như vắng mặt không lý do tại các phiên hòa giải vào ngày 29/3/2021, ngày 21/5/2021 và phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 19/11/2021 dù Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể

từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.Viện kiểm sát nhân nhân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh B đối với bà Phan Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Thanh B nộp đơn xin ly hôn đối với bà Phan Thị L. Bà Phan Thị L hiện đang cư trú tại huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Phan Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử vụ án mà vẫn vắng mặt; ông Nguyễn Thanh B có đơn xin xét xử vắng mặt vào ngày 15/6/2021 nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị L theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bà Phan Thị L đến Tòa án để giải quyết vụ án tranh chấp về ly hôn giữa ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị L nhưng bà L không đến Tòa án để giải quyết. Vì vậy, bà Phan Thị L tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, bà Phan Thị L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 01/02/2013 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị L là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Ông B và bà L đều xác định giữa Ông B và bà L có nảy sinh mâu thuẫn và có thời gian ly thân từ năm 2019, có thường xuyên cãi vã, đánh đập. Ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên ông yêu cầu được ly hôn với bà L để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng. Tuy nhiên, bà L thì không đồng ý ly hôn vì khai vẫn còn tình cảm với Ông B.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ông B hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của Ông B và bà L thì giữa Ông B và bà L bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019, như vậy vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau vun đắp hạnh phúc gia đình.

Trong quá trình hòa giải tại Tòa án vào ngày ngày 29/3/2021, ngày 21/5/2021 bà L cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng theo giấy triệu tập để Tòa án hoà giải, động viên hai bên đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm và đều không có thiện chí để đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị L.

[6] Về con chung: Ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị L có 01 (một) con chung tên là Nguyễn Phan N (nữ), sinh ngày 26/7/2013, hiện con chung đang sống với bà L. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 27/2021/QĐ-CCTL-CC ngày 04/3/2021 yêu cầu bà L và Ông B "Đưa trẻ Nguyễn Phan N (nữ) sinh ngày 26/7/2013 đến Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh để Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tiến hành lấy ý kiến trẻ về việc nguyện vọng của trẻ sống chung với ai khi cha mẹ ly hôn". Tuy nhiên, bà L vẫn không đưa trẻ đến Tòa.

Xét Ông B và bà L không có tranh chấp về quyền nuôi con, Ông B và bà L đều xác nhận hiện trẻ Uyên cũng đang sống chung với bà L cũng như căn cứ vào Công văn trả lời xác minh tình trạng hôn nhân số 1636/UBND ngày 05/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã Bình Hưng thì hiện nay con chung là con gái (8 tuổi) đang sống cùng mẹ tại địa chỉ Nhà số A Lô số 01 khối D, Khu dân cư H, Ấp X, xã B, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Phan N (nữ), sinh ngày 26/7/2013 cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Ông B tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng, quá trình giải quyết vụ án bà L yêu cầu Ông B cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Tuy nhiên, bà L không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh thu nhập của Ông B theo quy định pháp luật dù Tòa án yêu cầu.

Ngày 16/3/2021 Ông B có cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh Hợp đồng lao động ngày 01/4/2018 giữa ông và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Bất động sản Fuland (Công ty Fuland) thể hiện tiền lương mỗi tháng của ông là 5.000.000 đồng. Việc Ông B tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 5.000.000 (năm triệu) đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Bà L khai bà và Ông B có nợ ba mẹ chồng là ông Nguyễn T và bà Hồ Thị Thanh P số tiền 97.000.000 đồng vay nợ vào năm 2017 có giấy tờ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh có ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ số 27/2021/QĐ-CCTL-CC ngày 04/3/2021 "Yêu cầu bà Phan Thị L cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc có nợ chung và tên tuổi địa chỉ chính xác của người đã cho Ông B và Lực vay nợ theo nội

dung trình bày tại Biên bản hòa giải vào ngày 28/01/2021" tuy nhiên, bà L không cung cấp chứng cứ cho Tòa án. Hơn nữa, Ông B xác định không có nợ chung nên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Ông Nguyễn Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và án phí cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Thanh B đối với bà Phan Thị L.

Ông Nguyễn Thanh B được ly hôn với bà Phan Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam cấp ngày 01/02/2013 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Phan N (nữ), sinh ngày 26/7/2013 cho bà Lực trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh B cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

Ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị L thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng cho con vào ngày 15 tây hàng tháng tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền, thời gian bắt đầu thực hiện từ ngày 15/02/2021 cho đến khi trẻ Nguyễn Phan Nhã Uyên trưởng thành.

Trường hợp ông Nguyễn Thanh B không thực hiện việc cấp dưỡng cho con theo thỏa thuận thì bà Phan Thị L có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc Ông B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Kể từ khi bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Ông B chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì Ông B phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Thanh B có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực

tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Thanh B và bà Phan Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này các bên đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được khấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080496 ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Thanh B phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM (1);
- VKSND H.BC (2);
- Chi cục THADS.HBC (1);
- UBND xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu hồ sơ (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Sơn